

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS - ST
Ngày 10/7/2018
V/v: “*Tranh chấp về hụi*” và
“*Tranh chấp về HĐ vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hiệp**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Thế Hải**;
2. Bà **Phạm Thị Ngọc Hữu**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Phương**, là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L: Bà **Đinh Thị Vân Anh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2017/TLST-DS ngày 07/12/2017, về việc: “*Tranh chấp về hụi*” và “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện L, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị K**, sinh năm 1965, có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn A, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1970, có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn A, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1970, vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn A, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (lập ngày 27/10/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/11/2017), bản tự khai, biên bản hòa giải, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn bà Đào Thị K tại phiên tòa hôm nay, thì:

Từ chỗ quen biết với nhau nên bà Võ Thị T có tham gia chơi 01 dây hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi mở ngày 04/11/2013 (*âm lịch*), gồm 17 người chơi, hụi tháng đóng 10.000.000 đồng, mãn hụi ngày 04/12/2015 (*âm lịch*). Bà T tham gia chơi một chân và hốt hụi vào ngày 04/9/2014 (*âm lịch*) với số tiền là 202.800.000 đồng, bà T còn phải đóng cho bà với số tiền hụi chết là: 160.000.000 đồng nhưng bà T không đóng nên bà đã khởi kiện ra Tòa.

Tại Bản án số 43/2015/DS-ST ngày 24/9/2015, của Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết về nghĩa vụ của bà T đối với bà trong dây hụi này nhưng chỉ xét xử buộc bà T phải trả tiền hụi chết cho bà đến ngày 04/8/2015 (*âm lịch*). Như vậy, bà T còn phải đóng hụi chết từ tháng 9/2015 (*âm lịch*) đến tháng 12/2015 (*âm lịch*), nhưng bà T không đóng hụi chết, bà mới đóng thay cho bà T số tiền 40.000.000 đồng.

Do bà T không chịu đóng số tiền bà phải thi hành án cho bà T tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, cho nên nay bà yêu cầu Tòa án xử buộc bà T phải trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng và phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày mãn hụi là ngày 04/12/2015 (*âm lịch*) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về khoản tiền bà T phản tố trong vụ án này, thì bà cho rằng đã giải quyết trong Bản án số 43/2015/DS-ST ngày 24/9/2015 nên bà không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T.

Tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của bà K là có căn cứ và hợp pháp gồm: 01 Bản án số 43/2015/DS-ST ngày 24/9/2015 (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu (bản pho to); 01 Giấy chứng minh nhân dân (bản pho to).

Theo các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bị đơn bà Võ Thị T tại phiên tòa hôm nay, thì:

Trong quá trình chơi hụi với bà K, thì bà có nợ số tiền hụi chết là 40.000.000 đồng, nhưng bà không trả cho bà K là vì bà K còn chưa Thi hành án Bản án số 43/2015/DS-ST ngày 24/9/2015, của Tòa án nhân dân huyện L đã có hiệu lực pháp luật với số tiền phải trả cho bà là: 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 20/11/2013 (*âm lịch*) bà K có mượn tiền của bà số tiền là 50.000.000 đồng và ngày 05/8/2014 (*âm lịch*) bà K mượn thêm số tiền là 100.000.000 đồng. Tổng hai lần mượn là: 150.000.000 đồng, bà K chưa trả cho bà.

Ngày 30/5/2018, bà T nộp đơn phản tố với yêu cầu là: Bà đồng ý trả cho bà K 40.000.000 đồng nhưng cần trừ qua số tiền 150.000.000 đồng bà K đã mượn. Do đó, bà K phải trả cho bà số tiền 110.00.000 đồng tiền mượn và phải chịu lãi, theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, tính từ ngày 05/8/2014 (*âm lịch*) cho đến ngày xét xử hôm nay.

Vào ngày 06/7/2018, bà Võ Thị T nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của bà T là có căn cứ và hợp pháp gồm: Giấy nợ ngày 29/11/2013 (*âm lịch*); 01 Giấy nợ ngày 05/8/2014 (*âm lịch*).

Theo bản tự khai của ông Nguyễn Quốc H vào ngày 21/6/2018, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, thì:

Ông Nguyễn Quốc H đồng ý cùng với bà Võ Thị T trả số tiền nợ hui cho bà K là 40.000.000 đồng, ông không có ý kiến gì phản đối số nợ này. Riêng số tiền bà K mượn của vợ ông là bà Võ Thị T mà bà T đã khởi kiện phản tố, thì ông không có yêu cầu gì vì đây là tài sản riêng của vợ ông.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau, nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, vị đại diện Viện K sát nhân dân huyện L, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 147, 203, 244, 273 của BLTTDS năm 2015; Điều 479 của BLDS năm 2005; Điều 468 của BLDS năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị K.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Đào Thị K và bà Võ Thị T như sau: bà Võ Thị T và ông Nguyễn Quốc H phải liên đới trả cho bà Đào Thị K số tiền nợ hui là: 48.960.000 đồng (*trong đó 40.000.000đ tiền nợ hui và 8.960.000đ tiền lãi*).

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Võ Thị T đối với bà Đào Thị K về tranh chấp HĐ vay tài sản số tiền 150.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quốc H và bà Võ Thị T phải có trách nhiệm liên đới nộp 2.448.000 đồng án phí DS/ST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà T nộp 2.750.000 đồng. Hoàn trả cho bà Võ Thị T số tiền là 302.000 đồng.

- Trả cho bà Đào Thị K số tiền là 500.000 đồng, tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc H, nhưng ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 21/6/2018. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc vợ chồng bà Võ Thị T và ông Nguyễn Quốc H phải trả số tiền hui còn nợ là 40.000.000 đồng và phải chịu lãi suất, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tính từ ngày mãn hui ngày 04/12/2015.

Theo yêu cầu phản tố của bị đơn là buộc nguyên đơn bà Đào Thị K phải trả cho bà T số tiền vay là 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tính từ ngày vay ngày 29/11/2013 (*âm lịch*) vay 50.000.000 đồng, ngày 05/8/2014 vay 100.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và “*Tranh chấp về hui*” là phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa đều công nhận số tiền nợ hui là 40.000.000 đồng. Từ việc bà T tham gia chơi dây hui do bà K làm chủ mở vào ngày 04/11/2013 (*âm lịch*) và còn nợ lại số tiền hui là 40.000.000 đồng.

Sự thừa nhận này của bà T, ông H là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (*Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*).

Tại phiên tòa bà K yêu cầu vợ chồng bà T, ông H phải trả số tiền nợ hui là 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày mãn hui là ngày 04/12/2015 (*âm lịch*) cho đến nay.

Thấy rằng; yêu cầu của bà K về việc buộc vợ chồng bà T, ông H phải trả số tiền nợ hui là 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày mãn hui cho đến nay là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 476, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa hôm nay bà T đồng ý trả cho bà K số tiền nợ hui là 40.000.000 đồng và chấp nhận trả lãi suất theo mức lãi cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định và đúng với ý kiến của ông H tại bút lục số: 31 ngày 21/6/2018.

Nghĩ nên; ghi nhận sự thỏa thuận này giữa bà Đào thị Kiềm với bà Võ Thị T, ông Nguyễn Quốc H như sau: Bà Võ Thị T, ông Nguyễn Quốc H phải liên đới trả cho bà Đào Thị K số tiền nợ hui là 40.000.000 đồng và 8.960.000 đồng tiền lãi ($40.000.000 \text{ đ} \times 0,75\% \times 29 \text{ tháng} \times 26 \text{ ngày}$) là có căn cứ và đúng pháp luật, theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với mức lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi, theo mức lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Tại phiên tòa hôm nay bà Võ Thị T rút toàn bộ yêu cầu phản tố và không yêu cầu bà Đào Thị K phải trả số tiền vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ vay.

Đây là sự tự nguyện của bị đơn, không bị ai ép buộc và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận để đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu của bà Đào Thị K được Tòa án chấp nhận nên bà T, ông H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đào Thị K;

- Bà Võ Thị T có đơn xin rút yêu cầu phản tố lập ngày 06/7/2018 và tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T.

Theo ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, 203, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 277, khoản 1, 2 Điều 278, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 427, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Quyết định số: 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Nhân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (tức là 0.75%/tháng).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị K đối với bà Võ Thị T và ông Nguyễn Quốc H về việc tranh chấp về hụi.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Đào Thị K và bà Võ Thị T như sau:

Bà Võ Thị T và ông Nguyễn Quốc H phải liên đới trả cho bà Đào Thị K số tiền nợ hụi là: 48.960.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng*). Trong đó, tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/7/2018 là 8.960.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T, ông H còn chậm trả số tiền trên, thì hàng tháng bà T và ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Võ Thị T đối với bà Đào Thị K về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quốc H và bà Võ Thị T phải nộp 2.448.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà T nộp là

2.750.000 đồng, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0012658 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Hoàn trả cho bà Võ Thị T số tiền là 302.000đồng (*Ba trăm lẻ hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0012658 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Trả cho bà Đào Thị K số tiền là 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*), tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: 0012303 ngày 07/12/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết, có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (*ngày 10/7/2018*), và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- CC. THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hiệp